PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG TRONG GIAO DỊCH LIÊN KẾT VÀ CHỐNG CHUYỂN GIÁ

ThS. NGÔ MINH KIỂM*

Trong thời gian qua, một số doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá thông qua các giao dịch liên kết (GDLK), điều chỉnh làm thay đổi kết quả hoạt động kinh doanh không đúng thực chất (hiện tượng lỗ giả, lãi thật) để trốn thuế, gây thất thu ngân sách, tác động không tốt đến môi trường đầu tư của Việt Nam. Việc chuyển giá không chỉ ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà còn xảy ra ở một số doanh nghiệp trong nước, thông qua việc mở các chi nhánh, công ty con tại các địa bàn ưu đãi đầu tư để hưởng lợi từ chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế. Để xác định đúng nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có GDLK, cần áp dụng các phương pháp xác định giá thị trường trong GDLK làm cơ sở xác định nghĩa vụ thuế.

Từ khóa: Giá thị trường, giao dịch liên kết, chuyển giá

Method of determining the market price in related party transactions and fighting against transfer pricing

In the past time, some enterprises showed signs of transfer pricing through related party transactions, adjusted to change the actual results of business activities to evade tax, causing loss of budget and negative impact on the investment environment of Vietnam. Transfer pricing not only carried out by foreign-invested enterprises but also in some domestic enterprises, through the opening of subsidiaries in the areas of investment incentives to benefit from preferential policies on tax exemptions. In order to determine the correct tax obligations for enterprises with related party transactions, the methods of determining market prices in related party transactions should be used as a basis for determining tax obligations.

Key words: Market price, related party transaction, transfer pricing

1. Các phương pháp xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết

1.1. Phương pháp so sánh với giá giao dịch độc lập

a) Các trường hợp áp dụng

Người nộp thuế thực hiện GDLK đối với từng chủng loại hàng hóa, tài sản hữu hình, loại hình dịch vụ có điều kiện giao dịch, lưu thông phổ biến trên thị trường hoặc có giá được công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế; giao dịch thanh toán phí bản quyền khi khai thác tài sản vô hình; thanh toán lãi vay trong hoạt động vay và cho vay; hoặc người nộp thuế thực hiện cả giao dịch độc lập và GDLK đối với sản phẩm tương đồng về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng.

b) Nguyên tắc áp dụng

- Không có khác biệt về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng khi so sánh giá giao dịch độc lập và giá GDLK có ảnh hưởng trọng yếu đến giá sản phẩm.

- Trường hợp có các khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến giá sản phẩm, phải loại trừ các khác biệt trọng yếu này, gồm:

*Vụ trưởng Vụ CĐ&KSCLKT, Kiểm toán nhà nước

+ Các yếu tố đặc tính sản phẩm: Đặc tính, chất lượng, thương hiệu, nhãn hiệu thương mại của sản phẩm và quy mô, khối lượng giao dịch.

+ Các điều kiện hợp đồng: Khối lượng, thời hạn chuyển giao, thời hạn thanh toán và các điều kiện khác của hợp đồng; quyền phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tài sản có ảnh hưởng đến giá trị kinh tế và thị trường nơi diễn ra giao dịch và các yếu tố khác tác động đến giá sản phẩm là điều kiện kinh tế và chức năng hoạt động của người nộp thuế.

c) Phương pháp xác định

Giá sản phẩm trong GDLK được điều chỉnh theo giá sản phẩm trong giao dịch độc lập hoặc giá trị giữa khoảng giá giao dịch độc lập chuẩn của các đối tượng so sánh độc lập:

- Trường hợp giá sản phẩm được công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế, giá sản phẩm trong GDLK được xác định theo giá sản phẩm được công bố có thời điểm và các điều kiện giao dịch tương đồng.

- Người nộp thuế mua máy móc, thiết bị từ bên liên kết ở nước ngoài phải có tài liệu, chứng từ chứng minh giá mua máy móc, thiết bị tuân theo nguyên tắc giao dịch độc lập tại thời điểm mua: Đối với máy móc, thiết bị mới, giá so sánh là giá hóa đơn bên liên kết mua máy móc, thiết bị đó từ bên độc lập; đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, phải có hóa đơn, chứng từ gốc tại thời điểm mua, khi đó giá trị tài sản được xác định lại theo quy định hiện hành của pháp luật về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

d) Kết quả xác định giá GDLK: là giá tính thuế để kê khai, xác định số thuế TNDN phải nộp, nhưng không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp NSNN của người nộp thuế.

1.2. Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận (TSLN) của người nộp thuế với TSLN của các đối tượng so sánh độc lập

a) Các trường hợp áp dụng

- Người nộp thuế không có cơ sở dữ liệu và thông tin để áp dụng phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập;

- Người nộp thuế không thể so sánh giao dịch theo sản phẩm trên cơ sở từng giao dịch đối với từng sản phẩm tương đồng, việc gộp chung các giao dịch được tiến hành nhằm đảm bảo phù hợp bản chất, thực tiễn kinh doanh và lựa chọn được TSLN của các đối tượng so sánh độc lập phù hợp;

- Người nộp thuế không thực hiện chức năng tự chủ đối với toàn bộ chuỗi hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Không tham gia thực hiện các GDLK tổng hợp, đặc thù.

b) Nguyên tắc áp dụng

- Phương pháp này được áp dụng trên nguyên tắc không có khác biệt về chức năng hoạt động, tài sản, rủi ro; điều kiện kinh tế và phương pháp hạch toán kế toán khi so sánh giữa người nộp thuế và đối tượng so sánh độc lập có ảnh hưởng trọng yếu đến TSLN.

- Trường hợp có các khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến TSLN, khi đó phải loại trừ các khác biệt trọng yếu này:

+ Các yếu tố chức năng, tài sản, rủi ro kinh doanh và điều kiện kinh tế: Các yếu tố về tài sản, vốn, chi phí; quyền kiểm soát, quyền quyết định trên thực tế phục vụ cho việc thực hiện chức năng chính của người nộp thuế; tính chất ngành nghề hoạt động kinh doanh và thị trường sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; phương pháp hạch toán kế toán và cơ cấu chi phí của sản phẩm; điều kiện kinh tế diễn ra giao dịch.

- Các yếu tố tác động khác được xác định căn cứ thực tiễn thực hiện giữa các bên liên kết, bao gồm: Các quan hệ thương mại hoặc tài chính của tập đoàn đa quốc gia; hỗ trợ kỹ thuật; chia sẻ bí quyết kinh doanh; sử dụng nhân sự biệt phái hoặc kiêm nhiệm và các điều kiện kinh tế của ngành, lĩnh vực kinh doanh của người nộp thuế. Các yếu tố so sánh khác là đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng.

c) Phương pháp xác định

Phương pháp này sử dụng TSLN gộp hoặc TSLN thuần của các đối tượng so sánh độc lập được chọn để xác định TSLN gộp hoặc TSLN thuần tương ứng của người nộp thuế. Việc lựa chọn TSLN bao gồm TSLN gộp và TSLN thuần tính trên doanh thu, chi phí hoặc tài sản phụ thuộc vào bản chất và điều kiện kinh tế của giao dịch; chức năng của người nộp thuế và phương pháp hạch toán kế toán của các bên. Cơ sở xác định TSLN bao gồm doanh thu, chi phí hoặc tài sản là số liệu kế toán của người nộp thuế không do các bên liên kết kiểm soát, quyết định giá GDLK.

(1) Phương pháp so sánh TSLN gộp trên doanh thu (phương pháp giá bán lại):

Giá mua vào (bên LK)	=	Giá bán ra	-	Lợi nhuận gộp trên giá bán ra	-	Chi phí khác (*)

(*) Thuế nhập khẩu; lệ phí hải quan; chi phí bảo hiểm, vận chuyển quốc tế (nếu có)

Lợi nhuận gộp trên giá bán ra	=	Giá bán ra	x	TSLN gộp trên giá bán ra của đối tượng được so sánh

+ Phương pháp giá bán lại thường được áp dụng: (i) Cho giao dịch đối với các sản phẩm thuộc khâu cung cấp dịch vụ đơn giản và thương mại phân phối có thời gian quay vòng từ khi mua vào đến khi bán ra ngắn, ít chịu biến động về tính thời vụ. Đồng thời, sản phẩm được bán ra không qua khâu gia công, chế biến, lắp ráp, thay đổi tính chất sản phẩm, hoặc gắn với nhãn hiệu thương mại để làm gia tăng đáng kể giá trị. (ii) Liên quan đến việc mua sản phẩm từ các bên có quan hệ liên kết và bán lại cho các bên độc lập. Phương pháp phù hợp nhất là giao dịch cuối cùng đối với một nhà phân phối độc lập.

+ Phương pháp giá bán lại thường không phù hợp với các nhà cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực logistics, bởi thông tin phân tích chi tiết lợi nhuận gộp của một dịch vụ cụ thể thường là các thông tin nội bộ và mang tính bí mật nên hiếm khi được công bố. Do không thu thập được các dữ liệu có thể so sánh, phương pháp giá bán lại không tạo ra kết quả phân tích so sánh đáng tin cậy cho các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực logistics.

(2) Phương pháp so sánh TSLN gộp trên giá vốn (phương pháp giá vốn cộng lãi):

Giá bán ra cho bên LK (*)	=	Giá vốn mua vào từ bên độc lập	+	Lợi nhuận gộp trên giá vốn của NNT

(*) Được điều chỉnh theo đối tượng so sánh độc lập là giá tính thuế, kê khai chi phí, xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của người nộp thuế.

Lợi nhuận gộp trên giá vốn của NNT	=	Giá vốn của NNT	x	Tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn của các đối tượng so sánh độc lập (**)

(**) Là giá trị giữa thuộc khoảng giao dịch độc lập chuẩn của tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn của các đối tượng so sánh độc lập được lựa chọn để điều chỉnh.

+ Phương pháp giá vốn cộng lãi thường được áp dụng cho các trường hợp: (i) Giao dịch thuộc khâu sản xuất, lắp ráp, chế tạo, chế biến sản phẩm để bán cho các bên liên kết; (ii) Giao dịch giữa các bên liên kết thực hiện hợp đồng liên danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh để sản xuất, lắp ráp, chế tạo, chế biến sản phẩm, hoặc thực hiện các thỏa thuận về cung cấp các yếu tố sản xuất đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra; (iii) Giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên kết.

+ Trên thực tế, việc thu thập các thông tin chi tiết về chi phí để xác định tỷ suất lãi gộp của bên thứ ba (bao gồm cả giá vốn hàng bán) rất khó khăn do thiếu thông tin về các cơ sở dữ liệu thương mại; tỷ suất lãi gộp so sánh giữa các công ty có thể thiếu tính nhất quán. Vì vậy, phương pháp giá vốn cộng lãi không phải là phương pháp đáng tin cậy để so sánh các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực logistics với các bên độc lập và không được dùng để phân tích so sánh nhằm xác định giá thị trường của các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực logistics và các bên có quan hệ liên kết.

(3) Phương pháp so sánh TSLN thuần:

- TSLN thuần (chưa trừ chi phí lãi vay và thuế TNDN trên doanh thu, chi phí hoặc tài sản của người nộp thuế thực hiện GDLK) được điều chỉnh theo TSLN thuần (chưa trừ chi phí lãi vay trên doanh thu, chi phí hoặc tài sản) của các đối tượng so sánh độc lập được chọn, trên cơ sở đó điều chỉnh, xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Trong đó:

+ Lợi nhuận thuần không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính.

+ TSLN thuần được lựa chọn là giá trị giữa thuộc khoảng giao dịch độc lập chuẩn của TSLN thuần của các đối tượng so sánh độc lập được chọn để điều chỉnh, xác định thu nhập chịu thuế và nghĩa vụ thuế phải nộp của người nộp thuế.

+ Các chỉ tiêu TSLN thuần chưa trừ lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán, quản lý thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Phương pháp so sánh lợi nhuận được áp dụng với một trong các điều kiện sau: (i) Không có sự khác biệt về điều kiện giao dịch khi so sánh giữa giao dịch độc lập và GDLK gây ảnh hưởng trọng yếu đến tỷ suất sinh lời; (ii) Có khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến tỷ suất sinh lời nhưng đã được loại trừ.

- Việc so sánh tỷ suất sinh lời trong GDLK với tỷ suất sinh lời trong giao dịch độc lập của một người nộp thuế (so sánh nội bộ) là tốt nhất để phân tích giá thị trường cho GDLK. Trong trường hợp không thể so sánh nội bộ thì có thể so sánh với tỷ suất lợi nhuận của các đơn vị độc lập (so sánh bên ngoài). Với các dữ liệu có thể so sánh của bên thứ ba sẵn có, phương pháp so sánh lợi nhuận có thể được sử dụng để phân tích so sánh tỷ suất lợi nhuận của công ty với các công ty khác. Do đó, phương pháp so sánh lợi nhuận là phù hợp nhất để đánh giá liệu các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực logistics có thực hiện giá thị trường trong các GDLK hay không.

1.3. Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết

a) Các trường hợp áp dụng

- Người nộp thuế tham gia thực hiện GDLK tổng hợp, đặc thù, duy nhất, khép kín trong tập đoàn…

- Hoặc người nộp thuế tham gia các GDLK kinh tế số, không có căn cứ để xác định giá giữa các bên liên kết hoặc tham gia việc tạo giá trị tăng thêm thu được từ hợp lực trong tập đoàn;

- Hoặc người nộp thuế thực hiện chức năng tự chủ đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh.

b) Nguyên tắc áp dụng

Phương pháp phân bổ lợi nhuận là phương pháp phân bổ tổng lợi nhuận của GDLK để xác định lợi nhuận của người nộp thuế. Phương pháp này được áp dụng đối với: Tổng lợi nhuận thực tế và lợi nhuận tiềm năng của các GDLK được xác định bằng các số liệu tài chính trên cơ sở các chứng từ hợp lý, hợp lệ; giá trị và lợi nhuận của GDLK phải được xác định theo cùng phương pháp kế toán trong toàn bộ thời gian áp dụng phương pháp phân bổ lợi nhuận.

c) Phương pháp xác định

- Lợi nhuận được điều chỉnh của người nộp thuế được phân bổ trên tổng lợi nhuận của GDLK, bao gồm lợi nhuận thực tế và lợi nhuận tiềm năng của các bên tham gia GDLK có thể thu được.

Trong đó:

+ Lợi nhuận được điều chỉnh của người nộp thuế là tổng lợi nhuận cơ bản và lợi nhuận phụ trội.

+ Lợi nhuận cơ bản xác định theo phương pháp so sánh lợi nhuận.

+ Lợi nhuận phụ trội xác định theo tỷ lệ phân bổ dựa trên một hoặc một số yếu tố như doanh thu, chi phí, tài sản hoặc nhân lực của các bên liên kết tham gia giao dịch và phù hợp nguyên tắc giao dịch độc lập.

- Trường hợp không đủ thông tin, dữ liệu để phân bổ lợi nhuận được điều chỉnh theo quy định trên, việc phân bổ có thể dựa trên một hoặc một số yếu tố như doanh thu, chi phí, tài sản hoặc nhân lực của các bên liên kết tham gia giao dịch và phù hợp nguyên tắc giao dịch độc lập.

- Phương pháp tách lợi nhuận thường được áp dụng trong trường hợp các bên liên kết cùng tham gia nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, hoặc phát triển sản phẩm là tài sản vô hình độc quyền hoặc các giao dịch trong quy trình sản xuất - kinh doanh chuyển tiếp giữa các bên liên kết từ khâu nguyên vật liệu đến thành phẩm cuối cùng để lưu thông sản phẩm gắn liền với việc sở hữu hoặc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ duy nhất.

d) Lợi nhuận được điều chỉnh của người nộp thuế: là căn cứ xác định thu nhập chịu thuế và số thuế TNDN phải nộp, nhưng không làm giảm nghĩa vụ nộp NSNN của người nộp thuế.

2. Giải pháp chống chuyển giá ở Việt Nam

2.1. Nhận diện các giao dịch liên kết liên quan đến chuyển giá

- Các doanh nghiệp FDI nâng vốn góp bằng việc nâng giá trị máy móc, thiết bị và công nghệ; cung cấp hàng hoá, nguyên vật liệu cao hơn nhiều so với giá thị trường; chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp liên kết tại Việt Nam và định giá tiền bản quyền thương hiệu cao so với giá trị thực; ký hợp đồng sản xuất kinh doanh và dịch vụ sau đó giao lại cho công ty con tại Việt Nam với giá thấp hơn giá thị trường; ngoài ra còn xuất hiện chuyển giá liên quan đến xuất khẩu (tăng chi phí vận chuyển quốc tế).

- Công ty mẹ thường dựa vào các chính sách ưu đãi giữa các vùng miền trên lãnh thổ Việt Nam, để tiến hành các hoạt động sáp nhập, giải thể, điều chuyển các địa điểm sản xuất, kinh doanh từ vùng này sang vùng được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN; Công ty con sản xuất ở địa bàn ưu đãi bán sản phẩm cho Công ty mẹ ở trên địa bàn không được ưu đãi với giá cao hơn so với các đơn vị không có GDLK.

2.2. Nguyên nhân dẫn đến hành vi chuyển giá

- Doanh nghiệp và các tập đoàn đa quốc gia không bao giờ từ bỏ các cơ hội, các biện pháp nhằm tối đa hoá lợi nhuận, kể cả các hành vi chuyển giá, gian lận giá, gian lận thương mại.

- Quyền tự do định đoạt trong kinh doanh thương mại và đầu tư đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp được quyền quyết định giá các giao dịch nên trong quan hệ với các bên liên kết, các doanh nghiệp được toàn quyền định mức giá và được thể hiện trong hợp đồng được luật pháp bảo hộ.

- Do chính sách ưu đãi miễn, giảm các khoản thuế để thu hút đầu tư vào một số địa bàn dẫn đến có sự chênh lệch thuế suất giữa các địa bàn khác nhau trong một quốc gia dẫn đến các doanh nghiệp sẽ chuyển lợi nhuận từ nơi không được ưu đãi sang nơi có ưu đãi để hưởng lợi.

- Sự chuộng ngoại để đạt thành tích thu hút vốn FDI đã tạo ra sự lỏng lẻo trong công tác quản lý giám sát các doanh nghiệp FDI; là nước mới mở cửa còn thiếu kinh nghiệm trong kiểm soát hoạt động chuyển giá, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia đưa sản phẩm đến Việt Nam có thể đã đi vòng qua nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ.

2.3. Giải pháp chống chuyển giá

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chống chuyển giá và tiến tới ban hành Luật Chống chuyển giá; xây dựng chính sách thuế đảm bảo công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ thuế giữa các thành phần kinh tế, khu vực và địa bàn; thu hẹp khoảng cách về các ưu đãi thuế giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương; phải có chế tài xử phạt theo hướng tăng mức phạt và hình thức phạt đối với các trường hợp chuyển giá để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Thứ hai, ngành Thuế, cơ quan cấp phép đầu tư, hải quan, công an, ngân hàng... cần tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối liên thông dữ liệu, thông tin về người nộp thuế (đặc biệt là các doanh nghiệp FDI) để có được một hệ thống thông tin đảm bảo cho quá trình quản lý thuế nói chung và hoạt động phân tích rủi ro, thanh tra, xử lý vi phạm về giá chuyển giao giữa các thành viên liên kết nói riêng.

Thứ ba, Cơ quan Thuế cần tăng cường thanh tra, kiểm tra giá chuyển giao đối với các doanh nghiệp có nhiều thành viên; các ngành nghề có dấu hiệu rủi ro lớn về thuế do hành vi chuyển giá của doanh nghiệp liên kết, các DN đã và đang thực hiện tái cơ cấu có khả năng lợi dụng chuyển giá để tránh thuế.

Thứ tư, bên cạnh tăng cường thu hút vốn FDI, cần nâng cao tính hiệu quả của quá trình thẩm định dự án để phát hiện kịp thời hành vi chuyển giá qua việc nâng giá trị vốn góp của các công ty đa quốc gia.

Thứ năm, sửa đổi Luật KTNN theo hướng quy định rõ KTNN thực hiện chức năng kiểm toán thu ngân sách tại các đối tượng nộp thuế (kể cả các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) sẽ là hết sức cần thiết để chống thất thu cho NSNN bởi các lý do sau: Thực tế trong những năm qua, KTNN đối chiếu thuế các doanh nghiệp liên doanh đã phát hiện tăng thu cho Nhà nước nhiều nghìn tỷ đồng (SAVICO, HAVCO...); phù hợp với khuyến cáo trong tuyên bố Lima "cơ quan kiểm toán tối cáo được quyền kiểm toán việc thu thuế ở mức tối đa có thể" và học tập một số nước tiên tiến trên thế giới (như Mỹ) cũng thực hiện kiểm toán thu ngân sách.

Thứ sáu, tăng cường đào tạo chuyên môn về kiểm toán công tác chuyển giá, trong đó chú trọng đào tạo về kỹ năng xác định giá thị trường, trang bị kiến thức về kinh tế ngành, kỹ năng tin học, ngoại ngữ... cho các KTVNN để đảm bảo nâng cao chất lượng kiểm toán.

Thứ bảy, cần đổi mới phương pháp kiểm toán, kiểm tra thuế: Bố trí đủ thời gian kiểm toán; không chỉ áp dụng phương pháp kiểm tra chứng từ, mà còn phải tăng cường áp dụng phương pháp điều tra, xác minh; không chỉ thực hiện đối chiếu tại Cơ quan Thuế mà còn phải thực hiện kiểm toán tại trụ sở các doanh nghiệp nộp thuế; cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng từ KTNN, Cơ quan Thuế, Hải quan, Công an mới có thể phát hiện được các hành vi gian lận.

Hoạt động chống chuyển giá có thể tác động đến khả năng thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong ngắn hạn theo hướng giảm số lượng dự án và vốn đầu tư, song về dài hạn sẽ nâng cao chất lượng, bằng việc hạn chế các nhà đầu tư không hiệu quả, thu hút được các nhà đầu tư có uy tín, môi trường đầu tư Việt Nam sẽ phát triển theo hướng tích cực, lành mạnh hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Phương pháp xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết: Nghiên cứu trường hợp doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực logistics ở Việt Nam (PGS, TS. Trần Mạnh Dũng);*
2. *Chuyển giá dưới góc nhìn của doanh nghiệp (Ths. Đào Phú Quý - Vụ Chính sách thuế Bộ Tài chính).*

Ngày nhận bài: 29/6/2018
Ngày duyệt đăng: 13/7/2018